

La mission civilisatrice de la France ⁽¹⁾

Cái thiên-chức khai-hóa của nước Pháp

Conférence donnée à l'École des Hautes Études sociales par M. ALBERT SARRAUT

(Bài diễn-thuyết của ông ALBERT SARRAUT ở trường Cao-đẳng Xã-hội-học)

IV

L'Évolution des races

Mais dans le moment même où nous affirmons cette possibilité d'évolution, nous affirmons, par l'idée même d'évolution, l'impossibilité de conclure à la réalisation immédiate de l'égalité politique et administrative.

Par là, nous repoussons, énergiquement, l'adaptation aveugle à tous nos pays coloniaux, des formes sociales ou des modalités politiques, au milieu desquelles nous avons nous-mêmes accoutumé de vivre. Nous repoussons les systèmes de naturalisation en masse, comme les systèmes de *self-government* ou de suffrage universel conféré collectivement aux populations indigènes. Ce serait, à notre avis, la pire démenche que d'imposer à des races hétérogènes, dont les stades d'évolution sont au surplus infiniment différents, l'uniformité rigide des directions sociales et politiques auxquelles nous n'avons abouti qu'après de longs siècles d'études et d'éducation.

C'est un point sur lequel il convient d'insister, car c'est là l'origine de beaucoup d'erreurs, en ce qui touche l'ap-

Sự tiến-hóa các dân-tộc

Nhưng mà nói rằng các chủng tộc có thể tiến-hóa được, thời trong chữ tiến-hóa đó có cái nghĩa là dần dần tấn-tới lên, vậy thời không thể tức-khắc mà làm cho bằng-đẳng về đường chính-trị được.

Bởi thế nên chúng tôi hết sức phản-đối cái thuyết nên đem các chế-độ về chính-trị, về xã-hội của chúng ta đã quen dùng xưa nay mà thi-hành cho tất cả các xứ thuộc-địa của ta. Chúng tôi phản-đối những lối muốn cho cả bản-dân được nhập tây-tịch, cùng những lối muốn nhất-loạt cho cả các thổ-dân thuộc-địa được quyền tự-trị hay là được quyền phổ - thông đầu-phiếu. Những dân-tộc ấy còn bác-tạp, trình-độ tiến-hóa cũng còn cách xa nhau lắm, vậy mà cứ câu-nệ muốn đem những cái chủ-nghĩa về chính-trị, về xã-hội của chính chúng ta đã phải qua mấy mươi đời nghiên-cứu học-tập mới tới được, để mà cố cưỡng thi-hành cho họ, thì theo ý tôi thật là điên-dồ quá.

Đó là một điều nên biện-bác cho kỹ, vì cũng bởi đó mà sinh ra nhiều sự sai-lầm, thuộc về cái thời-hạn nên

(1) Xem Phụ-trương N. P. số 97, 98, 99.

préciation du délai qu'il faut ou qu'il faudra, pour que certaines races en arrivent au degré de civilisation morale, de progrès moral, où en sont arrivés les tuteurs qui les gouvernent; et c'est ce que néglige le raisonnement des assimilateurs qui se borne, pour conclure, à constater tels résultats extérieurs, si je puis dire, de l'enseignement distribué aux indigènes.

Prenons par exemple certaines de ces races. Il y a trente ans, ou cinquante, elles vivaient encore dans la barbarie, dans l'habitude des sacrifices humains ou de l'anthropophagie; elles avaient une âme ainsi façonnée dans les déchéances d'une longue hérédité de ténèbres. Nous arrivons; nous améliorons le milieu; nous mettons fin à certaines pratiques; nous instruisons les indigènes; nous travaillons leur appareil mnémotechnique, et nous parvenons à les rendre capables d'un savoir plus ou moins étendu, qui peut faire illusion sur la profondeur de leur transformation morale. Fort bien!

Est-ce à dire que cette instruction apparente soit le reflet exact et fidèle d'une conscience entièrement renouée, libérée des vieilles influences séculaires, et qu'en serre chaude, pour ainsi dire, par un travail hâtif de forgerie, nous ayons fait des créatures totalement nouvelles? Et qu'ainsi, en quelques lustres, ils soient à égalité avec nous, portant en eux la même clarté intérieure, la même âme?

Erreur profonde. C'est ici surtout qu'il est vrai de répéter: « *Natura non facit saltus* ». Notre supériorité morale de tuteurs, elle est l'effet d'un très long espace de temps et d'un immense effort de préparation. Pour en arriver à notre âme

lâu chóng thế nào để cho mấy dân-tộc thuộc-địa cũng tới được cái trình-độ văn-minh khai-hóa như các dân-dân anh hiện đương cầm quyền cai-trị; điều đó là điều những người về phái đồng-hóa thường không xét đến, chỉ nghiệm cái kết-quả bề ngoài của sự giáo-dục người bản-dân mà kết-luận mà thôi.

Tỉ như mấy giống thổ-dân ở thuộc-địa kia. Ba-mươi, năm - mươi năm trước, hãy còn sống ở trong vòng dã-man, còn có cái thói giết người dè thờ thần, hay là bắt người dè ăn thịt, cái tâm - hồn của các giống ấy hình như đã đời đời truy-lạc vào trong vòng hắc-ám. Chúng ta đến; chúng ta cải - lương cái hoàn-cảnh; chúng ta trừ khử những thói xấu; chúng ta dạy học cho người dân; chúng ta cử-động cái bộ máy ký-ức của họ, khiến cho họ thân - thập được một cái học-thức cũng khá rộng, xét bề ngoài thì tưởng rằng cái tâm-tinh của họ đã biến đi cả rồi. Được lắm.

Nhưng mà cái học-thức bề ngoài đó có phải là cái hình-ảnh chân-chính của một cái tâm - tinh đã thật biến đổi không, đã thật thoát-li khỏi những cái ảnh-hưởng cũ đã mấy mươi đời không, và chúng ta miễn-cưỡng dạy họ một cách cấp-tốc như trong cái cây ở trong nhà ôn-thất, đã hẳn đào - tạo ra được những con người thật mới chưa? và những người ấy, trong một khoảng rầm ba chục năm, đã hẳn bước được hết cái bước đường xa cách với ta và hiện nay thực là bằng-dẳng với ta, trong tâm-hồn cũng có một cái tia sáng như ta không?

Nghĩ như thế là lầm to. Đến đây mới nên nhớ câu cổ-ngữ: tạo-vật không có bước nhảy bao giờ. Ta có cái tư-cách hơn, làm kẻ bảo-hộ được, là ta đã phải khó-nhọc tập-luyện trong bao nhiêu đời mới được. Cho được

actuelle, à nous blancs, il nous a fallu des siècles. et des siècles. Héritiers déjà d'une haute tradition de culture, de justice et de beauté, la tradition gréco-latine, qui a imprégné tout notre atavisme, héritiers aussi d'un idéalisme religieux et philosophique de bonté, d'humanité, de souci de la conscience, nous avons ajouté à ces legs tous les apports successifs des grandes époques de pensée, de science, de découvertes, de facultés critiques qui ont rayonné sur nous, le XVIe siècle, celui de la Renaissance, le Grand XVIIe siècle, le XVIIIe, celui des encyclopédistes, le XIXe siècle, celui des grandes découvertes, le XXe siècle, celui des miracles scientifiques. Notre âme nationale a été lentement façonnée, modelée, pétrie, baignée par toutes ces influences et toutes ces clartés ; par une sorte de capillarité, cette immense richesse morale s'est peu à peu répandue à travers toute la race ; et nous représentons ainsi une hérédité toujours en voie de liberté, une hérédité de lumière, qui, aux colonies, se porte précisément au secours d'une hérédité de stagnation et de ténèbres. Et voilà l'essence même, la caractéristique, la raison d'être de la supériorité en vertu de laquelle nous avons droit de tutelle, d'autorité bienfaitrice, sur ceux que depuis les vieux âges nous avons distancés sur les routes du progrès humain.

D'où il suit que nous ne pouvons pas, sans erreur grave, et sans risques mortels pour elles-mêmes, appliquer « de plano » à des races, hier encore si arriérées, des formes de vie sociale ou politique auxquelles nous ne sommes arrivés nous-mêmes qu'après un long effort, rempli de difficultés, de réactions et d'épreuves ; et notre devoir n'est pas, en abdi-

tôir cái trình-độ trong tâm-tính bây giờ, chúng ta là người giống da trắng đã phải qua hết đời ấy sang đời khác mới tới được. Ta được kế-thừa một cái hương-hỏa học-thuật, đạo-nghĩa, mĩ-thuật rất cao-thượng, là cái hương-hỏa Hì-lạp La-mã đời xưa, đã tiêm-nhiễm sâu vào tri-não ta, ta lại được kế-thừa một cái nền tôn-giáo triết-học duy-tâm, lấy sự nhân-nghĩa từ-bi, sự sửa-sang tâm-tính làm gốc, ấy đó là cái vốn của đời trước để lại cho ta, mà về phần ta cũng đã bỏ thêm vào đấy cái công-phu của mấy đời tu-trưởng, học-vấn, phát-minh, kiểm-điểm, như thế kỷ thứ 16 trong lịch-sử nước ta là đời cổ học phục hưng, thế kỷ thứ 17, là đời văn minh toàn thịnh, thế kỷ thứ 18, là đời các nhà bác học dấy lên, thế kỷ thứ 19, là đời các nhà phát minh chế-tạo, thế kỷ thứ 20, là đời các kỳ công của khoa-học. Quốc-hồn quốc-tính của ta là trong bao nhiêu lâu tầm gọi dẫm-thấm ở trong cái cõi ảnh-hưởng sáng-sủa thanh-cao đó ; rồi cái của báu tinh-thần ấy dần dần như thấm như tràn ra cả quốc-dân ; như thế là ta tiêu-biểu một cái di-truyền càng ngày càng thanh-thoi, càng ngày càng sáng-sủa, cái di-truyền ấy ta đem đi thuộc-địa chính là để cứu-vãn cho một cái di-truyền tù-hãm tối-lắm khác. Ấy đó là cái tinh-túy, cái đặc-sắc, cái nguyên-nhân của cái tư-cách cao-thượng của ta, khiến cho ta có quyền được bảo-hộ, được quân-cố những dân-tộc kia, mà từ đời cổ-sơ đến giờ cũng vẫn đã bước chậm kém ta trên con đường tiến-bộ của loài người.

Cứ như thế thì ta không thể đối với những dân-tộc hôm qua kia hãy còn dã-man như thế, nhất đán đem thi-hành ngay những cái chế-độ về chính-trị, về xã-hội, mà chính ta cũng đã phải khó khăn nhọc nhằn trong lâu đời mới tới được ; làm như thế là làm to, và nguy-hiểm ngay cho những dân ấy ; cái nghĩa-vụ của ta không phải là đem

quant notre pouvoir entre leurs mains inexpérimentées, d'imposer les mêmes épreuves et les mêmes difficultés à nos protégés, par le don prématuré de libertés dont ils ne sauraient pas se servir; notre devoir est au contraire de leur éviter le tourment et la douleur des expériences par lesquelles nous avons dû passer avant d'atteindre notre stade actuel de civilisation et de vie sociale.

Notre gouvernement indigène ne saurait, d'autre part, sans péril, bouleverser chez eux des traditions séculaires, pour leur substituer, d'un coup, de mauvaises copies ou des caricatures de nos constitutions. et l'urne électorale, en vérité, ne saurait être le dernier mot ou le symbole suprême des bienfaits que la civilisation veut produire. Le libéralisme et la prévoyance de notre politique indigène doivent savoir adapter à des milieux dissemblables l'application diverse et la pratique intelligente d'un même sentiment d'humanité, par lequel nous délibérons de progressivement conduire vers un avenir plus haut les associés, les parents plus jeunes dont nous avons assumé la tutelle. Et cette politique idéaliste et réaliste, à la fois, trouve tout d'abord son expression concrète dans les trois grandes oeuvres qui sont comme des piliers puissants de son architecture : l'assistance médicale, qui, en défendant leur santé et leur vie, augmente le nombre et la force utile de nos protégés; la justice, qui, en apportant les garanties formelles de leurs droits, nous donne en retour celles de leur confiance et de leur loyalisme; l'instruction, qui en éclairant leurs cerveaux, les fait plus conscients de la gratitude qu'ils nous doivent, et mieux capables de collaborer avec nous pour la bonne exploitation du patrimoine commun.

những cái quyền của ta vào trong tay non-nớt của họ, cho họ sớm hưởng những cái tự-do mà họ chưa biết dùng, để bắt họ cũng phải qua bấy nhiêu gian-nan nguy - hiểm như ta; không, cái nghĩa - vụ của ta lại là phải tránh cho họ những sự gian-nan nguy-hiểm ấy, là cái bước đường ta đã phải qua mới tới được trình-độ văn-minh xã-hội như bây giờ.

Vả lại trong cách ta cai-trị các thổ-dân, ta cũng không nên làm cho điên-đảo hết những cái cở-chế của họ, để mà nhất-tán phóng chếp lại những cái chế-độ của ta đem thế vào, tất nó sai lạc đi mà thành ra quái-gở, thật là có hại chứ không có lợi; như cái quyền đầu-phiếu của ta thật chưa phải là cái biểu-hiệu tận-thiệt tận-mĩ của văn-minh Thái-Tây ta vậy. Cái chính-sách của ta đối với người thổ-dân, nên rộng-rãi mà nên nghĩ xa, cũng một tấm lòng nhân-đạo muốn dần dần đưa giắt những dân đàn em của ta bảo-hộ cho tới một cái trình-độ càng ngày càng cao, mà khi đem ra thi-hành phải tùy mỗi cảnh-ngộ khác nhau mà ứng-dụng cho thích-hợp. Cái chính sách ấy vừa duy - tâm mà vừa vụ-thực, trước hết phát-biểu ra ba cái sự-nghiệp như sau này, thật là ba cái trụ - cột vững-vàng của cái nền nhà to tát : thứ nhất là sự-nghiệp vệ-sinh, để giữ-gìn sức khỏe và sự sống cho các dân bảo-hộ, khiến cho dân-số mỗi ngày một hơn và hiệu-lực mỗi ngày một mạnh; thứ nhì là sự-nghiệp tư-pháp, lấy pháp luật mà giữ-gìn cho quyền-lợi của người dân, khiến cho họ đem lòng trung-thành tin cậy mà đối lại ta; thứ ba là sự-nghiệp giáo-dục, cốt để mở rạng cho cái óc khôn của họ, khiến cho càng hiểu biết mà cảm cái ân - hựu của ta, lại càng có tư-cách mà đề-huê hiệp-lực với ta để cùng mở-mang cái tài-sản chung.

En leur donnant avant l'heure des pouvoirs et des libertés dont elles ne sauraient pas se servir, nous replongerions les races indigènes dans l'anarchie d'où nous les avons tirées. Nous n'avons pas le droit de les rejeter aux ténèbres, après avoir éclairé leurs fronts des clartés d'un espoir fugitif.

Ainsi notre mission civilisatrice doit-elle d'abord s'attacher à développer la principale richesse du domaine colonial, la richesse humaine.

La mise en valeur économique

Et si c'est là notre premier devoir, c'est aussi dans le réalisme profond de notre politique idéaliste, la condition première du développement de l'autre richesse, la richesse matérielle, la richesse économique, celle qui doit résulter de la mise en valeur des territoires soumis à notre autorité, de l'exploitation méthodique, rationnelle, scientifique des ressources naturelles qu'ils recèlent.

Cette mise en valeur économique est aussi notre grand devoir, et, ici encore, nous faillirions à notre mission, nous abuserions de notre droit de possession, nous manquerions à nos obligations de solidarité vis-à-vis de la collectivité humaine si, par insouciance ou par inertie, par négligence ou par habitude du moindre effort, nous ne nous attachions pas résolument à faire jaillir des pays dont nous avons pris possession les ressources et les éléments réclamés par la pétition chaque jour plus pressante des besoins humains.

C'est là une question grave, à la gravité de laquelle on ne songe peut-être pas assez, et à laquelle, surtout dans les jours qui viennent, les gouvernements des nations possédant des colonies feront bien de se montrer très attentifs, s'ils ne veulent par avoir un jour à répondre aux questions âpres et précises des pays qui n'ont pas de domaine colonial.

Nếu chưa đến lúc mà đã vội cho họ những quyền tự-do họ chưa biết dùng, thì ta đã cứu được cho họ ra ngoài cái vòng họa-loạn, khác nào như lại đem mà đẩy họ vào đày nữa. Ta đã đem cái ánh sáng hi-vọng mà chiếu dội vào cái óc mơ-màng của họ, nay ta không có quyền lại xô đẩy họ vào trong đám tối nữa.

Như vậy thì cái thiên-chức khai-hóa của ta là trước nhất phải phát-siễn cái tài-nguyên thứ nhất ở thuộc-địa, là người ta vậy.

Sự phát-siễn về đường kinh-tế.

Đó là nghĩa-vụ thứ nhất của ta, nhưng mà cái chính-sách của ta vừa duy-tâm mà lại vừa vụ-thực, thì đó lại là cái điều-kiện thứ nhất cho sự phát-siễn cái tài-nguyên khác kia, là tài-nguyên vật-chất, tài-nguyên kinh-tế, phải khai-thác các đất ở dưới quyền ta, phải dùng phương-pháp khoa-học mà thu lấy những sản-vật thiên-nhiên, mới có thể gây dựng nên được.

Cái công phát-siễn về đường kinh-tế đó cũng là cái nghĩa-vụ lớn của ta, nếu ta lười biếng, nếu ta không chịu khó mà mở-mang những cái nguồn lợi ở các xứ ta chiếm-lĩnh, để sinh-sản ra các đồ ăn cần dùng cho sự yêu-cầu mỗi ngày một khẩn-cấp của loài người, thì thế là ta không xứng cái thiên-chức khai-hóa của ta, thế là ta lạm-dụng cái quyền chủ-nhân ông của ta, là ta sai cái trách-nhiệm liên-đái của ta đối với cả đoàn-thể loài người.

Đó là một cái vấn-đề quan-trọng, mà thường có lẽ không mấy người biết là quan-trọng; vấn-đề này, đến cái thời-kỳ sắp tới đây, các chính-phủ những nước có thuộc-địa cần phải chú-ý lắm mới được, nếu không thì có ngày những nước không có thuộc-địa sẽ yêu-cầu, chất-vấn một cách thiết-tha kịch-liệt, khó lòng đối-phó cho được.

Car il y a désormais, qu'on le veuille ou non, une position nouvelle du fait colonial dans la politique mondiale. Les questions coloniales, insensiblement, ont cessé d'appartenir aux politiques purement nationales pour entrer dans la sphère des préoccupations internationales. Les vieilles nations ont toutes les yeux tournés vers les terres nouvelles. Un contrôle international nouveau, d'autre part, fixe aujourd'hui sur le fait colonial des regards autrement vigilants que jadis. Dans cette sollicitude soudaine, un altruisme généreux a sans doute sa part, et c'est lui qui a inspiré la théorie du « mandat » de l'article 22 du traité de Versailles, à l'application duquel veille avec tant de soin la Société des Nations dans sa vérification de la gestion des anciennes colonies allemandes. Et par ailleurs, les conventions contre l'esclavage, l'alcoolisme, l'opiumanie, les grands fléaux des races indigènes, expriment aussi les intentions de plus en plus accusées de ce contrôle qui veut affirmer la renaissance d'une morale internationale dans l'action coloniale.

Mais dans cette vigilance internationale, il y a aussi autre chose: il y a l'expression encore discrète, mais qui ira s'affermissant, d'un intérêt économique universel qui, stimulé par les besoins grandissants du monde en matières premières, se tourne vers les territoires vierges où reposent d'immenses ressources inutilisées, et qui attend que les maîtres de ces domaines livrent plus amplement ces richesses à la circulation générale.

Car le monde entier est grandement tourmenté par la nécessité des matières premières; il consomme de tout et chaque jour plus largement; il lui faut des denrées, des approvisionnements nouveaux; les vieux pays ont donné presque

Vi rằng từ nay cái vấn-đề thuộc-địa đã đổi sang một địa-vị mới trong cuộc chính-trị thế-giới rồi, dầu ta không muốn cũng không được, việc thuộc-địa bây giờ đã dần dần không thuộc về chính-sách riêng của mỗi nước nữa, mà chuyển vào trong vòng các vấn-đề quốc-tế. Những nước cũ ngày nay đều quay mắt nhìn về các đất mới. Và lại vạn-quốc bây giờ có ý săn-sóc, xem xét đến việc thuộc-địa cầu hơn là từ xưa. Trong cái sự ân-cần mới-mẻ đó, chắc một phần cũng là bởi cái lòng vị-tha quảng-đại, bởi đó mới xướng lên cái thuyết « ủy-nhiệm » đã định trong điều thứ 22 hòa-uớc Versailles, theo thuyết ấy thời hội Vạn-quốc phải kiểm-sát cẩn-thận cái cách các nước được ủy-nhiệm cai-trị các thuộc-địa của Đức thế nào. Về một phương-diện khác thì các nước lại ký hiệp-trước để trừ những cái tục mãi-nô, bệnh nghiện rượu, bệnh thuốc phiện, là những cái ác-hại to cho các giống thổ-dân, xem như thế thì biết rằng Vạn-quốc càng ngày càng có ý muốn đem một cái quốc-tế-luân-lý để mà kiểm-điểm sự hành-động ở thuộc-địa vậy.

Nhưng mà trong sự ân-cần của vạn-quốc đó, còn có cơ khác nữa; còn có cái cơ kinh-tế chung, hiện nay chururồ lăm, nhưng rồi mỗi ngày một phát-hiện ra, có đó là cái cơ thế-giới bây giờ càng ngày càng cần đến các nguyên-liệu, cho nên càng ngày càng quay về những đất còn hoang, tài-sản còn nhiều, mong cho những người chủ các đất ấy mở-mang cho to tát để đem những tài-sản ấy mà cung-cấp cho sự mậu-dịch chung.

Vi rằng cả thế giới ngày nay đương khổ về sự cần nguyên-liệu: cái gì cũng thụ-dụng hết, mà thụ-dụng mỗi ngày một nhiều; cần phải có các vật-liệu, mà cần phải tích-trữ cho thật nhiều; các đất cũ thời khai-khẩn đã gần kiệt rồi; nhưng mà còn những đất mới kia,

leur maximum de rendement; mais voici les pays nouveaux, immenses, débordants de richesses inexploitées, qui offrent de gigantesques possibilités supplémentaires dont peut profiter la vie universelle, c'est-à-dire le mieux-être universel; il faut que la collectivité humaine jouisse de ces ressources; et c'est une obligation pour les nations qui possèdent les richesses vierges de les mettre en circulation, de ne pas laisser sans emploi, selon un bon plaisir de "propriétaire" abusant de son pouvoir, les nourritures que le monde réclame et qu'il ne permettrait pas éternellement à leurs possédants de laisser en dehors des besoins universels.

Certes, la validité de la possession coloniale n'est point encore contestée à ses possédants, non plus que le privilège légitime acquis, tant de sacrifices sur l'exploitation et les fruits du domaine. Mais ce droit peut-il aller jusqu'à laisser indéfiniment en friche des sols dont la fertilité promet aux besoins humains tant de précieuses et nécessaires ressources? Une nation colonisatrice pourrait-elle conserver dans ces conditions de vastes étendues de terre sans culture, des mines sans exploitation, des voies d'eau sans aménagement? Et sa souveraineté économique n'est-elle point, en équité, limitée par le droit de tous et l'utilité générale?

Qu'on y prenne garde! M. Loucheur rappelait naguère avec raison que la plupart des conflits qui ont désolé l'humanité ont eu pour cause latente des différends d'ordre économique. Ce sont les mêmes différends qui pourront être l'origine des grands conflits de demain. Il y a de par l'Europe et l'univers des pays surpeuplés qui n'ont pas d'exutoire pour leur main-d'œuvre surabondante. Il y a des pays qui cherchent partout les aliments économiques dont a besoin leur industrie, et que monopolisent des peuples plus favorisés. Problème démographique, pour certaines nations d'Europe et d'Asie chez lesquelles l'excédent des naissances sur les décès aggrave chaque

rộng mênh-mông, của đầy ứ, còn có thể cung-cấp được nhiều cho cuộc sinh-hoạt chung trong thế-giới, tức là hạnh-phúc chung của loài người; những tài-sản vật-liệu ấy, phải để cho cả loài người được hưởng-dụng; bởi thế cho nên những nước có các tài-sản chưa mở-mang, cần phải khai-khẩn mà chuyển-vận đi, không được lấy cái ý riêng của mình, lạm-dụng cái quyền riêng của mình là "ông chủ" mà được để không vô-dụng, khiến cho để đồ ăn thức dùng của thế-giới cần đến cứ chất xó một chỗ mãi được.

Vấn biết rằng hiện nay chưa ai dị-nghị đến cái quyền chiếm-lĩnh thuộc-địa, và cũng chưa dị-nghị đến cái công của các nước có thuộc-địa đã khó nhọc khai-khẩn thì được đặc-quyền hưởng-thụ. Nhưng mà cái đặc-quyền ấy có thể cứ bỏ hoang-vu mãi mãi những đất tốt kia đủ cung-cấp cho loài người được lắm sản-vật quý báu và cần-dùng dư? Một nước khai thuộc-địa có thể cứ bỏ hoang từng khoảng đất rộng mà không trồng-trot gì, bỏ quặng mỏ không khai-quật, bỏ sông nước không kinh-lý dư? và cái chủ-quyền kinh-tế của mình theo lẽ công-bằng há chẳng phải lấy cái quyền chung lợi chung của mọi người làm hạn-chế dư?

Vậy thời ta phải cần-thận đó! Ông LOUCHEUR mới rồi có nói rằng phạm những sự cạnh-tranh trong thiên-hạ tai-hại cho loài người, cái nguyên-nhân ngầm nó cũng là ở sự tranh nhau về đường kinh-tế cả, lời ấy rất phải lắm. Sự cạnh-tranh từ trước như thế thì sự cạnh-tranh sau này cũng thế. Nay ở giữa Âu-châu và ở khắp thế-giới, còn có nhiều xứ phải cái hoạn dân mãn, không có chỗ nào mà tiêu-thoát được bớt cái số người làm công nhiều quá. Lại có những xứ đi tìm khắp mọi nơi để kiếm lấy những vật-liệu cần dùng cho công-nghệ mình, vật-liệu ấy hiện ở trong tay những dân khác

jour l'angoisse des moyens de vivre, — problème des matières premières chez d'autres nations que l'égoïsme ou le calcul des détenteurs de ces matières peut réduire à la ruine ou aux misères du chômage, — voilà les grandes menaces de demain pour la paix du monde.

Les pays possesseurs des colonies ne doivent pas attendre qu'on leur pose la question de savoir si, oui ou non, ils veulent faire l'effort nécessaire pour la mise en valeur ou le peuplement de leurs domaines d'outre-mer. Des nuages lourds d'orage assombriront l'horizon des nations le jour où cette question serait nettement posée. C'est pour qu'on n'eût pas à la poser à la France qu'il y a trois ans je soumettais au Parlement un projet d'ensemble sur la mise en valeur des colonies françaises. Je persiste à penser que nous devons agir vite, voir grand, et ajouter sans répit, au grand effort déjà accompli, un effort nouveau, vaste, résolu, qui rompe délibérément avec la vieille routine des réalisations par petits paquets, et des dépenses au compte-gouttes.

La Colonisation et la Paix universelle

C'est notre intérêt autant que notre devoir. C'est l'intérêt des millions d'êtres humains dont nous avons assumé la tutelle. C'est l'intérêt de la collectivité universelle à laquelle nous fournirons notre quote-part de ressources supplémentaires. Et, par là, c'est l'intérêt de cette grande paix humaine, à laquelle nous devons sans cesse travailler, en donnant l'exemple de la bonne besogne qui amoindrira les risques de collisions de peuples et de races, par l'affermissement de la collaboration internationale dans la production et l'échange des richesses réclamées par les besognes de l'humanité.

muốn giữ lấy chuyên-quyền. Trong cả nước Âu châu Á-châu ấy, nước này thì phải cái vấn-đề dân-sinh, đẻ nhiều, chết ít, khó kể đủ ăn; nước kia thì phải cái vấn-đề vật-liệu, bị kẻ khác hoặc vì lòng ich-kỷ, hoặc vì bụng trục-lợi, muốn lũng-đoạn lấy, khiến cho các công-nghệ mình phải đình-đốn, kẻ công-nhân phải hư-công; — ấy đó là mấy cái niêm-tượng to cho cuộc hòa-bình thế-giới mai này vậy.

Những nước có thuộc-địa không nên đợi cho người ta phải hỏi mình rằng có chịu ra công khai-khẩn thực-dân cho các đất ngoại-dương của mình hay không. Đến ngày nào mà câu hỏi đó khỏi ra, thời trong không-khí các nước sẽ vẫn mây đen, báo cơn giông tố sắp tới. Ý tôi muốn cho không ai hỏi được nước Pháp ta câu ấy, nên ba năm nay tôi có trình cho Nghị-viện một cái tổng-dự-án khai-thác kinh-tế cho các thuộc-địa. Nay tôi cũng vẫn còn nghĩ rằng chúng ta cần phải làm cho mau, nhìn cho rộng, cái công-trình trước làm nên đã to, nay ta phải xuất-lực thêm để mở-mang cho rộng hơn nữa, bỏ hẳn những cái lối hủ làm từng mảnh vụn-vật, tiêu từng món nhỏ-nhen như trước.

Sự khai thuộc-địa đối với cuộc hòa-bình thế-giới

Đó vừa là nghĩa-vụ ta, và vừa là cái lợi của ta. Lại là cái lợi của mấy triệu con người ta đã nhận trách bảo-hộ. Lại là cái lợi của cả đoàn-thể nhân-loại, đối với đoàn-thể ấy ta cũng phải cung-cấp một phần đồ ăn thức dùng. Nhân đó mà lại là lợi cả cho cái cuộc hòa-bình chung của thế-giới, là phận sự ta phải giúp công vào, ta tỏ lòng hiệp-lực với Vạn-quốc trong sự sinh-sản giao-dịch các tài sản cần dùng cho loài người, để làm cái gương tốt có thể bắt-được cái nguy-hiểm xung-đột cạnh-tranh trong các dân-tộc.

La loi suprême de l'univers est une loi d'interdépendance. L'unité humaine, l'unité du monde, la solidarité profonde qui rapproche et relie sur la planète toute la collectivité des vivants est la grande vérité dégagée par le mouvement des temps modernes. Elle commande à notre génération, comme à celles qui la suivront, des devoirs nouveaux que le passé n'a pas suffisamment aperçus, si nous voulons, selon un rythme pacifique durable, régler les rapports des divers groupes de l'espèce humaine. Dans le discours auquel je faisais allusion tout à l'heure, M. Loucheur remarquait encore, avec sa clairvoyance accoutumée, que la formule des accords internationaux de la coopération internationale, en matière économique, tenait en suspens l'avenir de la paix. A cette coopération pour l'utilisation de la richesse matérielle, ajoutons aussi la coopération internationale pour la sauvegarde et le soin de la richesse humaine.

A l'heure où les races de couleur, qui forment les deux tiers de la population du globe, se sont éveillées à des aspirations nouvelles par le contact de notre civilisation d'Occident, à l'heure où les frémissements dont je parlais parcourent les multitudes vivantes sur tous les points de l'univers, le même souci de paix doit nous faire souhaiter entre les nations colonisatrices, une collaboration capable de porter partout, du même cœur, et du même geste, la preuve et le témoignage des bienfaits du génie occidental, en dégageant et en zinzifiant, si possible, les meilleures méthodes de colonisation. Les nations qui ont pris charge des grands domaines extérieurs sont tenues par la solidarité profonde de la civilisation; aucune d'elles ne saurait se réjouir des épreuves ou des insuccès du voisin; car les répercussions de ces épreuves peuvent toujours dépasser le cadre du pays où elles se produisent, et susciter chez le voisin le

Cái luật chung của vũ-trụ, là một cái luật hỗ-tương liên-thuộc. Cái nghĩa nhân-loại duy-nhất, thế-giới duy-nhất, cái nghĩa liên-đái thâm-trầm nó giảng-buộc cả cái đoàn-thể sinh - linh trên mặt đất, ấy là một cái chân-lý lớn-lao do cái phong-trào tư-tưởng đời nay phát-biểu ra vậy. Cái chân-lý nó khiến cho lớp chúng ta đây, cùng những lớp người đến sau này, muốn cho sự giao-thiệp các nhân-đoàn trong loài người với nhau được êm-ái điều-hòa, thời phải đương lấy những cái nghĩa-vụ mới mà thừa trước chưa từng xét tới. Trong bài diễn-thuyết tôi vừa dẫn lúc nãy, ông LOUCHEUR lại lấy con mắt sáng-suốt của ông mà nghiệm rằng cái tương-lai của cuộc hòa-bình chính là ở các hiệp-ước của các nước ký với nhau để hiệp - lực cộng-tác về đường kinh-tế vậy. Sự cộng-tác đó là để lợi-dụng cái tài-sản vật-chất, lại còn phải thêm sự cộng-tác để bảo-tồn cái tài-sản nhân-loại nữa.

Ngày nay chính là ngày những dân-tộc các sắc là gồm hai phần ba dân-số cả địa-cầu, tiếp-xúc với văn-minh Thái-Tây, đã hình như tỉnh thức dậy mà mở-màng những sự nọ kia, chính là ngày các dân-chúng đương như rung-động cả ở khắp các phương cầu, thời các nước có thuộc-địa phải vì một cái lòng hiếu hòa-bình mà nguyện cho cùng nhau hiệp-lực sát - hạch, chính-định, cùng hợp-nhất cả các phương pháp hay về sự-nghiệp khai thuộc-địa, để cho đâu đâu cũng cùng một lòng, cùng một cách đem chứng-nghiệm tuyên-bố ra cái ơn-huệ của tài - trí Tây-phương. Những nước có chiếm-lĩnh các đất rộng ở ngoài, là đối với nhau có một cái liên-đái-trách-nhiệm về đường văn-minh; không có nước nào thấy kẻ láng giềng mình gặp sự nguy-hiêm, hay phải sự thất-bại, mà nên mừng; vì rằng những cái hiểm-tượng ấy nó xảy ra ở một xứ nào có khi tràn ra ngoài

péril des contagions. Solidaires pour le salut de la civilisation dont nous représentons, nous Occidentaux, l'expression la plus haute, nous devons marquer cette solidarité dans l'étude commune des moyens de garantir ce salut en dressant plus haut, chaque jour, devant les races, l'enseignement de cette oeuvre civilisatrice qui travaille pour la meilleure humanité. Nous devons, en rapprochant nos labeurs, en mêlant nos efforts, en cherchant ensemble à sélectionner le meilleur de nos traditions et de nos expériences, affermir de notre force collective le prestige et l'autorité de cette morale internationale que nous proposons pour guide aux devenirs de l'humanité, et dont l'expression la plus nette est encore, j'ai le droit de le dire, dans les principes selon lesquels la France en ses fidèles, confiantes et paisibles colonies, a poursuivi, jusqu'à présent, sa mission civilisatrice.

Albert SARRAUT

phạm-vi xứ ấy mà truyền-nhiệm sang cả xứ bên cạnh nữa. Ta là người Thái-Tây, ta tiêu-biểu cho tinh-thần của cái văn-minh Thái-Tây, đối với văn-minh ấy ta đều có liên-đái-trách - nhiệm, ta phải cùng nhau nghiên - cứu những phương-cách gì có thể bảo-tồn cho văn-minh ấy và càng ngày càng khuếch-trương cái công-nghiệp khai-hóa cho loài người. Ta phải hòa công hiệp-lực, cùng nhau chọn lọc lấy phần tinh-t túy trong cái kho kinh-lich cổ-diễn của ta, để mà đem cái thế-lực chung củng-cố cho cái oai-quyền của cái quốc - tế luân-lý kia mà ta muốn đem ra làm phương-châm cho sự tiến-hóa của loài người; biều-hiệu chân-chính của cái luân-lý ấy, tôi tưởng tôi có quyền nói được là chính là những qui-tắc mà nước Pháp vẫn theo từ trước đến nay để thực-hành cái thiên-chức khai - hóa ở các thuộc-địa một niềm tin cậy, một dạ trung-thành vậy.

(Bài này nguyên văn bằng chữ Pháp đã đã g trong tạp chí *Panorama*, số 132, tháng hai năm 1925).

UNE CULTURE FRANCO-ANNAMITE

Si la politique divise, la culture rapproche les hommes.

C'est un fait qu'entre des hommes vraiment cultivés, qu'ils appartiennent à des milieux ou des races différentes, l'entente est toujours possible, non seulement l'entente, mais aussi la communion dans les mêmes aspirations de l'esprit humain.

Nous allons donc pour aujourd'hui laisser de côté les questions de politique et d'administration, — puisque aussi bien la politique indochinoise est visiblement en bonnes mains, et que nous sommes décidés à faire confiance à M. Varenne, — et tâcher de nous élever à une plus haute conception du problème franco-annamite, de l'envisager sous un aspect nouveau, au point de vue de la culture et de la civilisation humaine.

Nous sommes de ceux qui croient le problème franco-annamite bien plus un problème de civilisation, ou plus proprement de culture, qu'un problème de politique coloniale.

Les hasards de l'histoire ont fait vivre côte à côte deux peuples de cultures différentes. Que peut-il résulter de cette vie commune ? L'une de ces cultures absorbera-t-elle l'autre ? Ou bien se formera-t-il à leur contact, par un phénomène de pénétration et d'élaboration lente, une culture nouvelle et originale ? Quelle sera celle-ci ? Que restera-t-il dans cette dernière des idées et des postulats fondamentaux de l'une et de l'autre des deux cultures qui lui auront donné naissance ?

Problème passionnant, s'il en fut, et qui domine de loin toutes les mesquineries de la politique. Problème qui requiert, pour être traité dans toute son ampleur, la science d'un savant et la perspicacité d'un philosophe. Nous n'avons aucunement la prétention de pouvoir le résoudre avec nos faibles lumières. Qu'il nous suffise de le poser et de le livrer ainsi à la méditation de tous ceux, Français et Annamites, qui estiment qu'en dehors des préoccupations de politique journalière, il est des questions méritant qu'on s'y intéresse autrement qu'à des rêveries sans conséquence ou à des discussions purement académiques.

Aussi bien ce problème nous baigne, nous presse de toutes parts. Nous vivons pour ainsi dire en lui. Nous nous heurtons constamment à ses inconnues formidables. Il est à la base de toutes les questions d'éducation et d'enseignement qui se posent en ce pays ; et faute de l'avoir envisagé avec netteté, on donne à chaque instant à ces questions des solutions inconsidérées ou hâtives, qui les embrouillent et les compliquent encore davantage.

L'élite de ce pays fut de tout temps éprise de haute culture. Cette culture exclusivement morale et littéraire, purement formelle sous sa forme scolastique, si elle n'a pas produit des savants et des philosophes, a formé des lettrés et des sages. L'idéal qu'elle poursuit est un idéal de perfectionnement moral, de bonheur familial et de paix sociale. Il n'a rien de transcendant ni de mystique. Il se confine volontiers dans le domaine humain, mais voudrait organiser la vie humaine de telle sorte qu'elle soit en harmonie avec l'Univers tout entier. Dans la vaste hiérarchie des êtres et des choses, l'homme occupe sa place, rien que sa place, mais doit l'occuper tout entière et s'y comporter de telle sorte que, si minime qu'il soit, il puisse contribuer à la bonne harmonie universelle. Ce qu'il doit donc avant tout développer en lui, c'est cette vertu d'« humanité » (le *nhân*) qui,

portée à sa perfection, lui permet de réaliser toute la plénitude de sa nature et en même temps de concourir au bien-être de l'ensemble. C'est en somme l'idéal du « sage » (*quân-tử*), tel qu'il est défini par le rationalisme confucianiste, fortifié des apports du monisme taoïste et vivifié par le souffle de la grande « compassion » bouddhique. Et c'est là l'essentiel de ces « idéaux de l'Orient », ou plutôt de l'Extrême Orient, dont ce pays a pour sa part hérité la longue tradition. Cette tradition nous a formés ce que nous sommes. Elle a fait ce peuple calme et doux dont l'élite s'est toujours adonnée à la culture des belles lettres et des vieilles humanités, et dont la masse a toujours vécu dans le culte de la famille et le respect des ancêtres, vie qui ne laisse pas d'avoir son charme, et aussi sa grandeur, faite de résignation et de stoïcisme.

A cette vie calme, l'Occident est venu apporter son agitation, sa fièvre, son désir insatiable de vie intense qui bouleverse toutes les vieilles données de la morale traditionnelle. A l'idéal du « lettré » et du « sage » il veut substituer celui de l'homme d'action, de l'homme de science, de l'homme de foi, du citoyen conscient et organisé allant à la conquête de toutes les libertés ; et aussi de l'homme d'affaires, âpre au gain et à la concurrence, exploitant toutes les richesses, et la première de toutes, l'homme lui-même ; tous plus entreprenants les uns que les autres, tous cherchant à imposer leurs conceptions, leurs méthodes, leurs doctrines, leurs rêves, et leurs... marchandises.

Cet afflux d'idées et de conceptions nouvelles nous a subitement tirés de notre rêve et de notre quiétude séculaires et nous a lancés dans le grand courant de la vie moderne. Le réveil fut d'abord douloureux. Peu à peu l'habitude vient, — d'autant plus qu'on ne peut faire autrement, — et nous finissons par nous adapter tant bien que mal, plutôt mal que bien, à cette vie désordonnée et fiévreuse. Mais cette adaptation

n'est que provisoire ; nous sentons qu'elle pêche par la base et manque de souplesse. De là ce malaise moral qui s'aggrave de plus en plus à mesure que nous en prenons davantage conscience.

Ce malaise ne pourra disparaître que quand nous aurons résolu l'antinomie des deux cultures, et réalisé notre unité spirituelle, soit par leur fusion en une seule, soit par l'absorption de l'une par l'autre.

Au premier abord, il paraît que nous sommes condamnés à être absorbés par la culture occidentale qui, sous sa forme matérialiste et mécanique, tend déjà à la domination universelle. Pour des raisons qu'il serait trop long d'exposer ici, nous croyons au contraire, qu'en ce qui concerne notre peuple une fusion des deux cultures est possible, et que de cette fusion pourra sortir une culture nouvelle.

Les idéaux nouveaux de l'Occident nous sont apportés par un peuple qui a comme nous, le goût de la mesure, le sens du juste milieu, le culte de la vertu « d'humanité » et de l'humanisme, l'amour en un mot de la sagesse. Avec ce peuple sage et pondéré, aimant, comme l'a dit un de ses écrivains, les « coteaux modérés » plutôt que les hautes altitudes et les espaces démesurés, nous avons toutes les chances de nous entendre, parce qu'il représente la civilisation occidentale, non dans ce qu'elle a d'extrême, et pour ainsi dire de forcené, mais dans ce qu'elle a de mesuré et de raisonnable. Des hommes clairvoyants l'ont déjà remarqué. Nous ne pouvons résister au plaisir de citer ici l'opinion d'un professeur américain, M. Hugo P. Thieme, de l'Université d'Ann Arbor (Michigan), qui dit à ses compatriotes :

« ... Nous qui sommes encore à l'âge de la jeunesse, et qui nous efforçons de créer un idéal et des modèles pour servir à l'éducation de notre avenir, nous aurions intérêt à étudier les civilisations européennes, et à adopter tout ce qui peut nous convenir, tout en nous gardant du danger de

« l'imitation. A cet égard, aucune nation ne peut nous offrir de meilleurs exemples que la France, car elle a su éviter les mêmes écueils. Elle n'a jamais imité, mais elle a absorbé, refondu, repêtri, remodelé les modèles.

« Un pays où nous trouvons un si haut degré d'intelligence, une si grande maîtrise de soi, un tel sens de la mesure, une telle perfection esthétique et technique, un tel humanisme et tant d'humanité, où les principes sur lesquels reposent tout son être, son salut, son âme, ont été la beauté, la morale, l'éducation, la critique de soi, la liberté, l'association, la dignité du travail et la sympathie humaine, de ce pays-là nous ne devons pas hésiter à nous rapprocher, afin de lui demander des suggestions et des conseils pour la solution des problèmes qui se posent à une jeune nation. Sachons enfin comprendre que l'âme d'un pays ne se trouve pas dans les boutiques, les théâtres et les music-halls, non plus que dans les débats des politiciens. Elle est dans le laboratoire d'un Pasteur, dans l'atelier d'un Millet, dans le cabinet de travail d'un Gaston Paris et de tous ceux qui ont créé des formes nouvelles de littérature et d'art, comme elle est dans les champs et les maisons des travailleurs de la terre et derrière les comptoirs de la bourgeoisie laborieuse... »

Ces conseils que le professeur Thieme donne à la jeune Amérique s'appliquent tout aussi bien au vieil Annam.

De la fusion des deux humanismes français et extrême-oriental naîtra peut-être sur cette terre fécondée du labeur de deux races une culture nouvelle, qui sera la « culture franco-annamite ».

C'est là du moins notre rêve, qui pourra devenir une réalité par les efforts conjugués et conscients des élites de nos deux peuples.